TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-06-2023
V/v: Ly hôn giữa bà T.T.T.T và ông L.X.Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2. Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 732/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2022, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐSTXX-HNGĐ ngày 09/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà T.T.T.T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 246 P.V.Đ, thị trấn B.T, huyện B.T, tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có đơn xin vắng mặt ghi ngày 19/12/2022.

2. Bị đơn: Ông L.X.Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 507B/3 H.G, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T.T.T.T trình bày:

Bà T.T.T.T và ông L.X.Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B.T, huyện B.T, tỉnh Quảng Ngãi ngày 22/3/2016, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10.

Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống sau khi bà T sinh con, do đó vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy vợ chồng xa cách không có sự quan tâm chăm sóc nhau, không còn tình cảm nên bà T.T.T.T có nguyện vọng được ly hôn với ông L.X.Đ. Quá trình chung sống bà T.T.T.T và ông L.X.Đ có 01 con chung tên

L.T.D, sinh ngày 28/12/2016, bà T.T.T.T nuôi con từ khi sinh con đến nay nên bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L.X.Đ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn: Ông L.X.Đ vắng mặt; Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L.X.Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông L.X.Đ vắng mặt. Nguyên đơn bà T.T.T.T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung tên L.T.D, sinh ngày 28/12/2016 cho bà T.T.T.T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông L.X.Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà T.T.T.T tự khai không có nên không giải quyết; về nợ chung: bà T.T.T.T tự khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Bà T.T.T.T và ông L.X.Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B.T, huyện B.T, tỉnh Quảng Ngãi ngày 22/3/2016, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, nguyên nhân do không cùng chung quan điểm sống, luôn bất đồng ý kiến, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, hai bên cũng đã tự hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Sau thời gian dài ly thân, nay bà T.T.T.T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L.X.Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.X.Đ

Xét thấy: Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông L.X.Đ không đến tòa, bà T.T.T.T xin vắng mặt vì bận việc gia đình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2022, bà T.T.T.T trình bày bà T và ông Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, hiện nay bà T không còn tình cảm với ông Đ và yêu cầu ly hôn với ông Đ. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông Đ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 01 con chung tên L.T.D, sinh ngày 28/12/2016, bà T.T.T.T đã nuôi con từ khi mới sinh đến nay và nay yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L.X.Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà T là phù hợp nên được chấp nhận

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà T.T.T.T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.T.T được ly hôn với L.X.Đ

Giấy chứng nhận kết hôn số 10 do Ủy ban nhân dân thị trấn B.T, huyện B.T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/3/2016 không còn hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên L.T.D, sinh ngày 28/12/2016, cho bà T.T.T.T trực tiếp nuôi con. Bà T không yêu cầu ông L.X.Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T.T.T.T và ông L.X.Đ tự khai không có.

Về nợ chung: Bà T.T.T.T và ông L.X.Đ tự khai không có.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T.T.T.T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T.T.T.T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012771 ngày 02/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND thị trấn B.T, huyện B.T, T. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Bảy